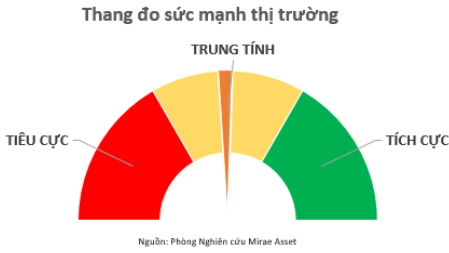


14 Tháng Sáu 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn



Nhận định thị trường

Trên đường trở lại đỉnh

Phiên giao dịch tăng mạnh ngày thứ 6 tuần trước đã tạo hiệu ứng tâm lý tốt cho nhà đầu tư trong phiên ngày hôm nay. Dầu cho có những rung lắc vào cuối phiên nhưng nhìn chung thị trường vẫn kết thúc với kết quả mang lại sự hài lòng cho nhà đầu tư, khi VN-Index chỉ còn cách đỉnh cũ khoảng 14 điểm. Kết phiên VN-Index đóng cửa tại 1.361,7 điểm, tăng 9,9 điểm, tương ứng +0,7% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 25.335 tỷ đồng, HNX: 4.047 tỷ đồng, UPCOM: 2.607 tỷ đồng.

Phiên giao dịch hôm nay ghi nhận số mã tăng (202) lớn hơn số mã giảm giá (184). Giao dịch đáng chú ý trong ngày là nhóm cổ phiếu Dầu khí với mức tăng đồng loạt từ 2% đến 7%, trong khi nhóm Ngân hàng điều chỉnh hàng loạt, chỉ còn STB và TCB duy trì sắc xanh nhẹ. Tuy nhiên "điểm nóng" hôm nay phải là nhóm Chứng khoán từ nhóm 4 công ty SSI, VCI, VND và HCM với mức tăng từ 6% đến 9%.

Khối ngoại bán ròng nhẹ 170 tỷ đồng hôm nay, giá trị lớn nhất là chứng chỉ quỹ FUEVFVND với hơn 212 tỷ đồng

Phiên giao dịch tăng điểm khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index phục hồi. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đã quay về mức +0, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	7	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	5	KHẢ QUAN
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

Bảng đánh giá kỹ thuật hoặc mã bảng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,361.72	0.74	7.53	57.69
HNX	319.01	0.73	8.24	172.86
UPCOM	88.83	-0.12	9.66	58.76
MSCI EM	1,381.99	0.23	5.69	40.02
NIKKEI	29,161.80	0.74	3.84	30.74
HANG	28,842.13	0.36	2.91	18.69
KOSPI	3,252.13	0.09	3.13	52.52
FTSE	7,158.58	0.34	1.63	17.25
S&P 500	4,247.44	0.19	1.76	39.66
NASDAQ	14,069.42	0.35	4.76	46.73

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.64	2.73	14.86
SET INDEX	30.55	1.74	5.93
JCI INDEX	32.62	1.52	5.65
PCOMP	29.57	1.70	5.95

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.09	0	-7	-84
10 năm	2.19	1	-17	-82

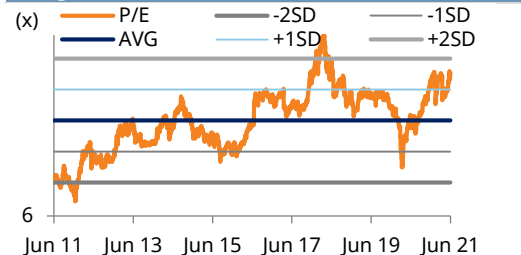
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,998	-0.23	0.18	0.96
US\$/KRW	1,117	-0.50	1.07	8.90
US\$/JPY	110	-0.03	-0.31	-2.15
US\$/EUR	0.83	-0.01	0.29	-6.50
US\$/GBP	0.71	0.17	0.08	-10.50
US\$/SGD	1.33	-0.09	0.38	4.87

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	979	989	469
HNX	153	158	64
UPCOM	72	62	29

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



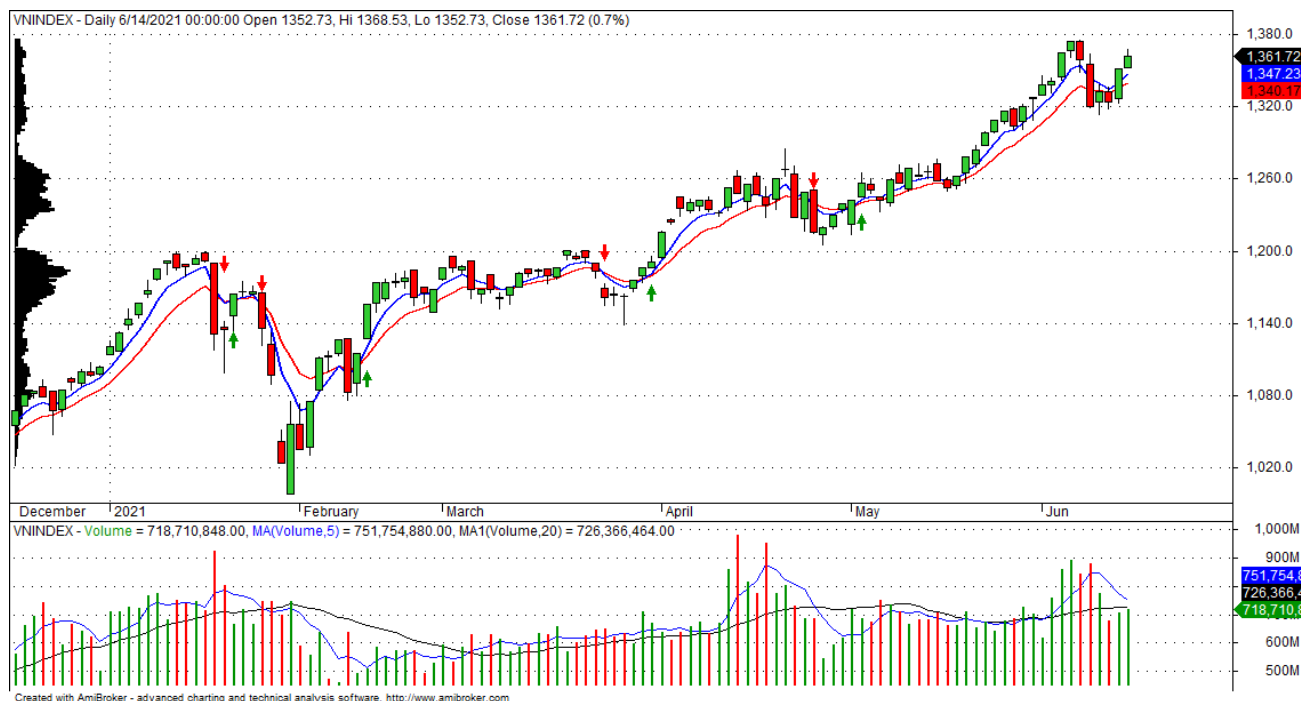
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (14/06/2021)	Kháng cự 1	1.400
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.500
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.200

VN-Index chạm ngưỡng kháng cự 1.325 và trên đương quay lại chinh phục đỉnh cũ

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

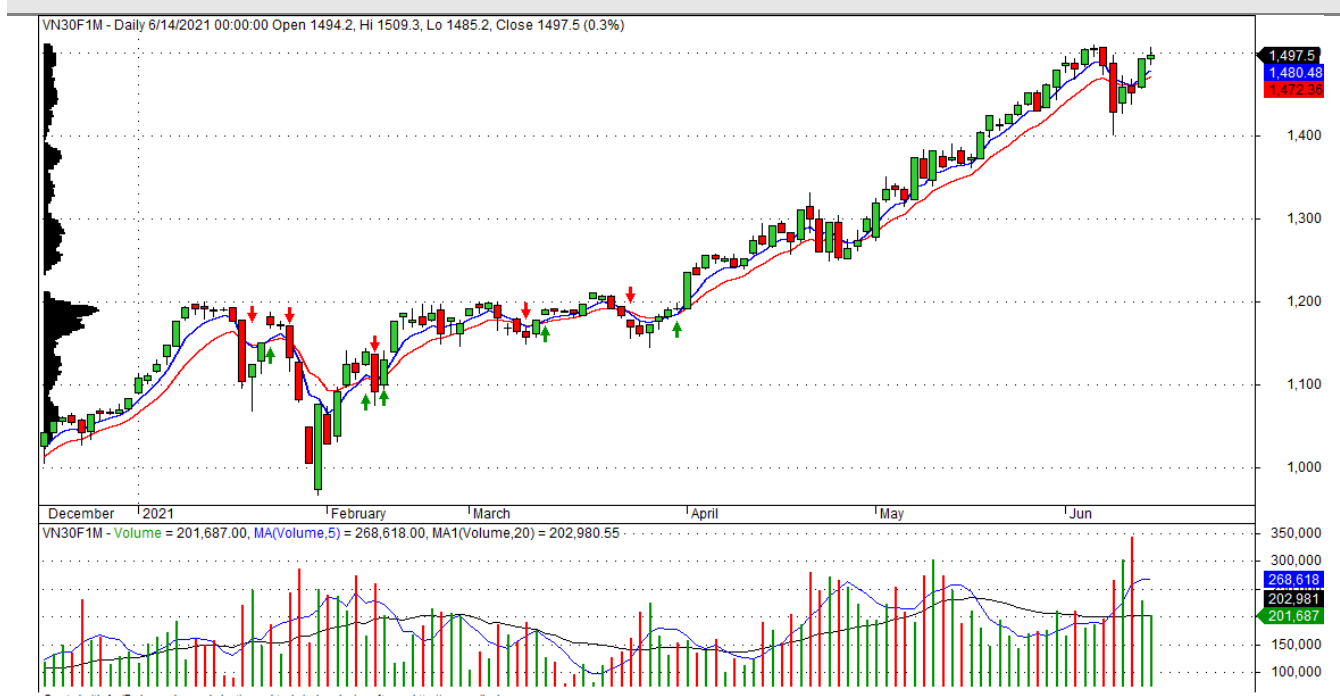
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (14/06/2021)	1.497,5	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.600
VN30 - đóng cửa	1.495,5	Hỗ trợ 1	1.400
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+2,0	Hỗ trợ 2	1.300

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	+3	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

Giao dịch của VN30F1M chủ yếu ở vùng giá xanh trong ngày, tuy có thời điểm chuyển sang đỏ từ sự rung lắc của VN30 trong phiên, tuy nhiên vẫn đóng cửa tăng nhẹ trong ngày.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.15	4,165,575	4	KHẢ QUAN	4,793	11.5	1.0
ACB	34.1	11,375,355	-2	TRUNG TÍNH	92,136	10.7	2.4
AGR	13.95	3,098,850	0	TRUNG TÍNH	2,946	24.4	1.4
APS	15.2	2,557,385	2	TRUNG TÍNH	593	6.7	1.4
ART	10.4	8,068,605	-4	TIÊU CỰC	1,008	38.5	0.9
BID	44.9	5,788,295	-6	TIÊU CỰC	180,589	21.9	2.3
BSI	21.6	2,414,405	0	TRUNG TÍNH	2,626	10.5	1.7
BSR	20.4	21,275,240	4	KHẢ QUAN	62,940	#N/A N/A	2.0
BVH	60	1,122,100	7	KHẢ QUAN	44,539	23.5	2.2
BVS	29.3	1,435,810	0	TRUNG TÍNH	2,115	11.2	1.1
CEO	10.4	4,256,380	0	TRUNG TÍNH	2,676	#N/A N/A	0.9
CII	18.75	2,524,250	-2	TRUNG TÍNH	4,479	337.0	0.9
CTG	52.5	16,149,180	-2	TRUNG TÍNH	195,479	11.0	2.1
CTR	93.4	682,230	7	KHẢ QUAN	6,704	24.0	6.3
CTS	22.6	2,263,960	0	TRUNG TÍNH	2,405	9.2	1.6
DBC	56	2,008,900	2	TRUNG TÍNH	6,453	4.4	1.4
DCM	19.5	4,091,560	7	KHẢ QUAN	10,323	17.4	1.6
DDV	15.3	3,131,010	7	KHẢ QUAN	2,265	79.5	1.8
DGC	74.5	1,155,485	2	TRUNG TÍNH	12,745	13.5	3.1
DGW	124.9	332,150	0	TRUNG TÍNH	5,521	16.3	4.2
DIG	25.5	6,817,045	-6	TIÊU CỰC	10,452	13.7	2.2
DRC	27.3	1,515,010	0	TRUNG TÍNH	3,243	11.5	1.9
DXG	25.2	15,456,685	-4	TIÊU CỰC	13,061	#N/A N/A	2.0
FIT	15.4	8,495,810	5	KHẢ QUAN	3,923	57.6	1.3
FLC	13.05	26,796,756	0	TRUNG TÍNH	9,265	6.7	1.0
FPT	83.8	2,844,425	-2	TRUNG TÍNH	76,046	20.4	4.5
GAS	89.5	967,890	6	KHẢ QUAN	171,299	22.7	3.4
GEX	22.6	5,612,045	0	TRUNG TÍNH	17,655	13.5	1.9
GIL	60	696,890	4	KHẢ QUAN	2,159	5.3	1.6
GMD	42.15	3,008,390	5	KHẢ QUAN	12,703	33.8	2.1
GVR	29.75	5,492,230	-2	TRUNG TÍNH	119,000	27.3	2.5
HAH	30.2	1,632,540	7	KHẢ QUAN	1,431	8.6	1.3
HBC	15.2	5,124,170	6	KHẢ QUAN	3,509	39.7	1.0
HCM	42.15	6,490,480	3	TRUNG TÍNH	12,858	17.1	2.7
HDB	34.1	6,514,340	-2	TRUNG TÍNH	54,347	11.0	2.2
HDC	61.6	1,275,785	7	KHẢ QUAN	4,097	15.3	3.4
HDG	42.45	1,795,655	-4	TIÊU CỰC	6,549	6.0	2.0
HNG	10.75	10,572,665	2	TRUNG TÍNH	11,917	457.9	1.4
HPG	53.6	31,326,316	-2	TRUNG TÍNH	239,749	13.2	3.6
HQC	3.95	15,908,810	6	KHẢ QUAN	1,883	264.1	0.4
HSG	44.9	12,293,985	0	TRUNG TÍNH	19,964	8.3	2.5
HUT	8.2	7,094,555	7	KHẢ QUAN	2,203	#N/A N/A	0.7
IDC	35.9	4,431,650	-5	TIÊU CỰC	10,770	34.3	2.9
IJC	32.3	7,678,240	0	TRUNG TÍNH	7,012	10.6	2.1
ITA	7.5	11,579,625	0	TRUNG TÍNH	7,037	33.8	0.7
KBC	35.4	6,318,570	4	KHẢ QUAN	16,630	21.6	1.6
KDC	58.9	1,400,820	7	KHẢ QUAN	13,473	43.8	2.3
KDH	36.9	4,062,885	3	TRUNG TÍNH	22,682	19.0	2.7
KSB	28.9	1,418,685	4	KHẢ QUAN	1,926	7.7	1.2
LPB	30.7	20,402,630	-2	TRUNG TÍNH	32,991	14.6	2.2
LTG	40.8	1,016,640	7	KHẢ QUAN	3,288	10.6	1.2
MBB	39.3	25,496,810	-2	TRUNG TÍNH	109,991	10.9	2.1

MBS	29.9	2,904,480	0	TRUNG TÍNH	7,052	16.5	2.6
MSN	106.9	1,835,215	-2	TRUNG TÍNH	126,199	83.5	7.8
MWG	138.1	790,575	-2	TRUNG TÍNH	65,657	15.3	3.8
NKG	32.55	4,248,505	-4	TIÊU CỰC	5,599	9.8	1.6
NLG	38.9	3,941,840	-4	TIÊU CỰC	11,097	9.7	1.7
NVB	18.8	8,241,850	-7	TIÊU CỰC	7,648	704.7	1.8
NVL	103.9	1,922,810	-2	TRUNG TÍNH	152,490	33.7	4.8
OIL	14.5	2,933,865	0	TRUNG TÍNH	15,100	#N/A N/A	1.6
PDR	91.4	4,443,325	7	KHẢ QUAN	44,491	33.9	8.4
PET	21.65	2,637,895	-2	TRUNG TÍNH	1,809	11.8	1.1
PHR	54.7	819,270	0	TRUNG TÍNH	7,412	7.7	2.3
PLX	55	4,084,685	-2	TRUNG TÍNH	68,410	18.9	2.9
PNJ	97	463,095	-4	TIÊU CỰC	22,055	19.5	3.8
POW	12.2	13,605,740	0	TRUNG TÍNH	28,571	11.8	1.0
PVD	22.9	10,376,515	-2	TRUNG TÍNH	9,644	149.3	0.7
PVS	29.3	16,821,210	2	TRUNG TÍNH	14,004	21.3	1.1
PVT	21.2	5,893,450	7	KHẢ QUAN	6,861	9.3	1.4
REE	55.5	744,575	-4	TIÊU CỰC	17,152	9.6	1.4
ROS	6.58	20,808,940	-2	TRUNG TÍNH	3,735	205.3	0.6
SBS	13.6	4,068,730	2	TRUNG TÍNH	1,723	1,499.4	8.3
SBT	21.3	2,561,870	6	KHẢ QUAN	13,145	18.8	1.7
SCR	11.5	10,275,545	5	KHẢ QUAN	4,213	23.9	0.9
SHB	29.2	30,059,120	-6	TIÊU CỰC	56,226	16.7	2.2
SHI	28	2,143,375	-6	TIÊU CỰC	2,551	33.6	2.3
SHS	40.9	11,963,920	2	TRUNG TÍNH	8,477	8.7	2.3
SSI	53	17,113,790	5	KHẢ QUAN	34,628	19.1	3.0
STB	30.8	41,116,092	-4	TIÊU CỰC	55,553	20.6	1.9
SZC	39	1,003,100	4	KHẢ QUAN	3,900	18.4	2.9
TCB	52.7	18,030,276	-4	TIÊU CỰC	184,709	12.9	2.4
TCH	22.2	5,496,930	-4	TIÊU CỰC	8,862	8.7	1.5
TNG	24.9	2,198,580	7	KHẢ QUAN	1,980	13.3	1.6
TPB	36.3	5,706,230	-2	TRUNG TÍNH	38,902	9.5	2.1
TSC	13.8	6,470,930	-7	TIÊU CỰC	2,038	140.8	1.3
VCB	102	2,445,225	0	TRUNG TÍNH	378,305	17.9	3.7
VCI	98	2,584,590	5	KHẢ QUAN	16,317	17.2	3.3
VCS	105.4	391,905	7	KHẢ QUAN	16,864	12.4	4.0
VGJ	17.7	2,979,325	-4	TIÊU CỰC	8,850	31.1	1.4
VHC	44.6	1,656,445	7	KHẢ QUAN	8,115	11.6	1.5
VHM	109.9	4,336,015	7	KHẢ QUAN	361,518	14.0	4.0
VIB	51.8	1,377,080	4	KHẢ QUAN	80,453	15.4	4.2
VIC	120	2,277,100	2	TRUNG TÍNH	405,892	55.2	5.0
VIX	28.25	5,464,655	-2	TRUNG TÍNH	3,608	5.4	1.7
VJC	115.7	526,975	4	KHẢ QUAN	62,664	51.3	4.1
VND	43.5	6,521,005	7	KHẢ QUAN	9,331	12.8	3.3
VNM	92.5	3,658,225	7	KHẢ QUAN	193,321	19.8	6.2
VPB	70.9	42,537,844	-2	TRUNG TÍNH	174,042	15.3	3.1
VPI	34.35	1,171,535	5	KHẢ QUAN	6,870	22.5	2.5
VRE	31.95	7,158,920	4	KHẢ QUAN	72,601	27.2	2.4

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

TP HCM quyết định giãn cách xã hội thêm 14 ngày

Sáng nay (14/6), Chủ tịch UBND TP Nguyễn Thành Phong đã chủ trì buổi họp về công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố. Tham dự còn có Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình và Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Nên. Sau khi nghe báo cáo và đề xuất từ các quận, huyện, TP Thủ Đức và các sở, ban, ngành, Chủ tịch TP Nguyễn Thành Phong cho biết, bằng sự quyết tâm và nỗ lực, sau hai tuần giãn cách xã hội thì dịch tại Gò Vấp và phường Thạnh Lộc, quận 12 đã cơ bản kiểm soát. Tuy nhiên, về tổng thể tình hình vẫn còn phức tạp, đặc biệt là sự xuất hiện liên tiếp các ca bệnh trong cộng đồng, cho thấy dịch xâm nhập vào TP từ tháng 5 và qua nhiều thế hệ. Trước đó, đánh giá tình hình và các ca bệnh mới vẫn tăng, các chuỗi lây nhiễm vẫn phức tạp, Giám đốc Sở Y tế Nguyễn Tấn Bình đề xuất TP tiếp tục giãn cách xã hội 14 ngày theo Chỉ thị 15. “Chính vì vậy, qua ý kiến các đơn vị, chúng ta tiếp tục thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 15 thêm hai tuần, riêng Gò Vấp và phường Thạnh Lộc, quận 12 cũng chuyển từ Chỉ thị 16 xuống 15 cùng TP”, ông Phong chỉ đạo.

NSC: chia cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền mặt 20%

HDQT Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed, HNX: NSC) - một đơn vị thành viên của Tập đoàn PAN thông báo sẽ thực hiện chia cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% (1 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng). Với hơn 17,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền hơn 35 tỷ đồng. Thời gian làm thủ tục chia cổ tức đợt này dự kiến trong khoảng tháng 6 đến tháng 7 năm nay.

ILB: chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 15%

ICD Tân Cảng Long Bình (HoSE: ILB) thông báo ngày 25/6 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 15%, 1 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng. Ngày thanh toán dự kiến 5/7. Với 24,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự chi khoảng 36,8 tỷ đồng để thanh toán cổ tức năm 2020.

KDH: muốn phát hành tối đa 400 tỷ đồng trái phiếu

CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (HoSE: KDH) công bố phát hành riêng lẻ tối đa 400 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo. Trái phiếu có kỳ hạn 4 năm, lãi suất cố định 12%/năm. Thời gian phát hành chậm nhất quý III năm nay, ngày cụ thể do Tổng giám đốc quyết định. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu sẽ được dùng để bổ sung vốn lưu động nhằm tăng quy mô vốn hoạt động của doanh nghiệp. Thời gian giải ngân dự kiến chậm nhất đến hết quý III, sau khi hoàn tất đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

DXG: điều chỉnh phương án chào bán riêng lẻ và ESOP, thêm tờ trình thưởng cổ phiếu tỷ lệ 15%

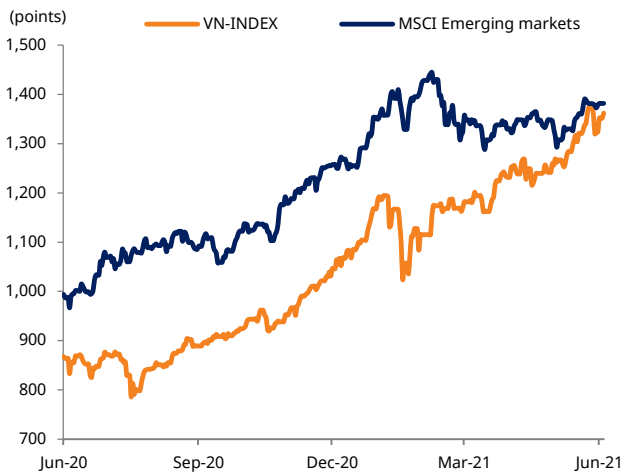
Tập đoàn Đất Xanh (HoSE: DXG) vừa có tờ trình thay đổi phương án phát hành cổ phiếu ESOP và cổ phiếu riêng lẻ, bổ sung phát hành cổ phiếu thưởng trong nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 tới đây. Về phương án phát hành 200 triệu cổ phiếu riêng lẻ, tỷ lệ 38,59%, nguyên tắc xác định giá trong tờ trình cũ là giá đã chiết khấu 20% bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu DXG trong 20 ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm HĐQT quyết định mức cụ thể. Tờ trình thay đổi xác định giá chiết khấu 10 - 15%, HĐQT quyết định mức mục thể nhưng không thấp hơn 20.000 đồng/cp. Về phương án phát hành 7 triệu cổ phiếu ESOP, tỷ lệ 1,35%, thay vì giá 0 đồng và hạn chế chuyển nhượng 5 năm như phương án cũ, giá phát hành mới được công bố là 10.000 đồng/cổ phiếu. Số cổ phiếu này có thêm điều kiện hạn chế chuyển nhượng 2 năm kể từ ngày hoàn tất phát hành. Trong trường hợp lao động nghỉ việc trước khi kết thúc thời gian hạn chế chuyển nhượng 2 năm thì thời gian hạn chế chuyển nhượng là 4 năm. HĐQT trình phương án phát hành

77,7 triệu cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 15%. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý III năm nay. Với kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu thưởng, vốn điều lệ Đất Xanh dự kiến đạt 8.047 tỷ đồng, tức tăng 55% so với hiện tại.

NKG: đăng ký bán 10 triệu cổ phiếu quỹ từ 22/6

Thép Nam Kim (HoSE: NKG) thông báo đăng ký bán toàn bộ 10 triệu cổ phiếu quỹ từ ngày 22/6 đến 21/7. Phương thức giao dịch là khớp lệnh hoặc thỏa thuận tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE). Trên thị trường, cổ phiếu NKG giao dịch ở mức giá 31.900 đồng/cp, giảm 9% trong vòng 1 tuần qua nhưng gấp đôi trong vòng 6 tháng qua. Tạm tính theo mức giá này, Nam Kim có thể thu về 319 tỷ đồng để cơ cấu lại nguồn vốn, bổ sung vốn lưu động đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



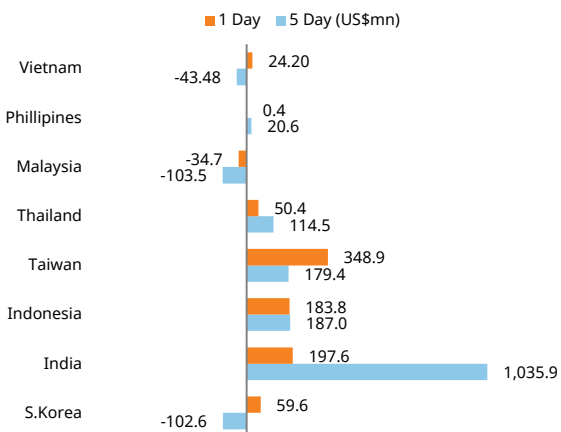
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



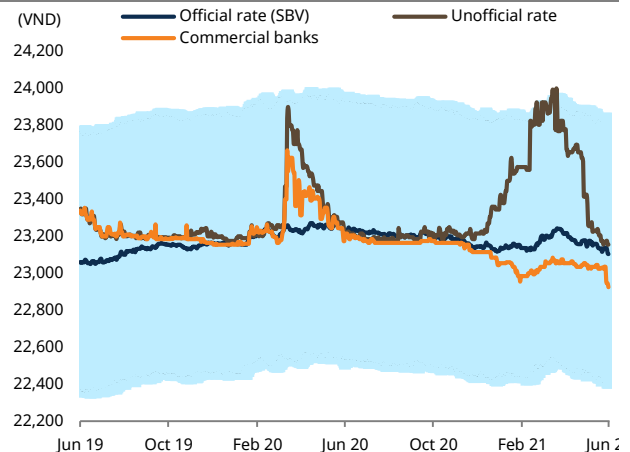
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



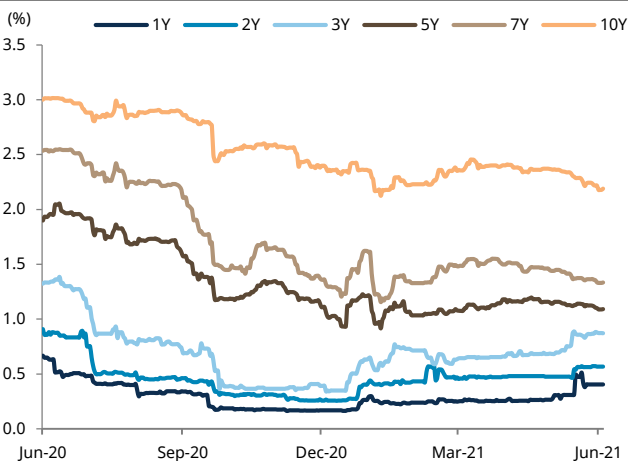
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



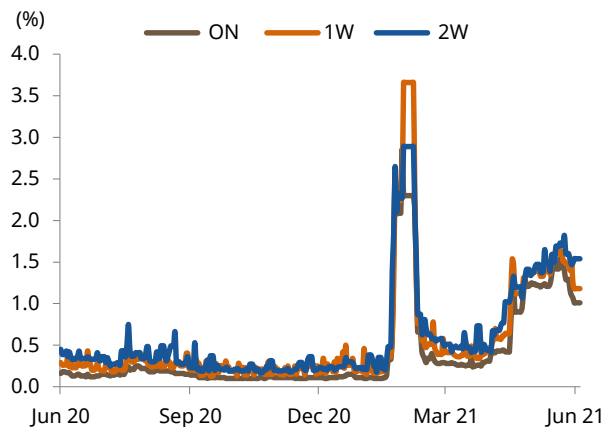
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,495.51	3,574,152		0.5	0.8	8.4	85.1	14.6	12.4	2.7	2.3	14.5	18.0	22.8	20.6
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	44,900	180,589	16.7	-0.7	-4.1	6.0	5.6	19.1	14.0	2.0	1.7	62.2	36.8	11.7	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	60,000	44,539	27.2	4.7	2.6	7.5	24.2	26.0	23.0	2.1	2.0	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	52,500	195,479	25.3	-0.8	1.0	11.7	125.3	12.0	10.0	2.0	1.7	18.5	21.0	19.8	20.0
CTCP FPT	FPT VN	83,800	76,046	49.0	0.4	1.3	13.6	105.0	19.2	15.6	4.1	3.7	22.1	22.6	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	89,500	171,299	2.5	2.9	0.0	6.4	20.0	17.1	15.9	3.2	3.0	30.3	7.6	20.2	20.3
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	34,100	54,347	17.3	-1.0	-0.6	9.3	109.2	9.6	8.1	1.9	1.6	33.5	18.9	21.8	21.2
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	53,600	239,749	26.5	0.9	1.1	17.9	227.7	8.9	8.3	2.7	2.0	111.3	6.7	38.9	28.5
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	36,900	22,682	31.2	0.3	4.9	9.0	83.7	19.2	15.1	2.5	2.1	2.6	27.1	14.2	15.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	39,300	109,991	21.7	-0.3	-0.3	19.1	158.4	10.0	8.6	1.9	1.6	33.0	16.0	21.2	20.5
Tập đoàn Masan	MSN VN	106,900	126,199	32.8	0.8	2.3	-1.1	82.7	46.7	26.6	6.1	4.9	117.1	75.8	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	138,100	65,657	49.0	0.8	1.5	-3.1	60.6	12.7	10.1	3.3	2.6	25.9	25.3	28.1	28.3
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	103,900	152,490	8.3	-1.0	1.1	5.1	159.7	35.0	30.0	4.2	4.4	1.4	16.4	16.5	12.6
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	91,400	44,491	2.8	4.6	10.1	26.9	375.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	55,000	68,410	16.8	1.9	-2.7	0.4	21.7	20.3	16.8	2.8	2.8	295.9	20.5	15.7	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	97,000	22,055	49.0	0.1	-3.6	3.0	63.0	16.6	13.1	3.5	2.9	35.7	26.5	24.3	23.8
TCT Điện Lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,200	28,571	3.1	1.2	-5.1	-0.4	16.7	13.7	11.6	1.0	0.9	-10.7	17.8	7.3	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	55,500	17,152	49.0	1.1	-0.5	-0.9	80.2	9.3	7.7	1.3	1.2	13.9	21.2	14.8	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	21,300	13,145	8.8	0.0	2.4	5.4	37.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	53,000	34,628	47.2	5.8	14.7	50.1	241.9	21.7	16.9	NA	NA	24.5	28.2	14.3	16.2
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	30,800	55,553	11.4	1.0	0.3	16.7	161.0	26.5	18.1	1.8	1.7	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	52,700	184,709	22.5	0.2	0.6	8.3	149.2	11.4	9.7	2.0	1.7	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,200	8,862	14.6	1.4	-0.2	-1.3	-1.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	36,300	38,902	30.0	-0.8	-2.4	13.6	111.2	8.5	7.2	1.8	1.4	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	102,000	378,305	23.3	-0.8	-0.1	5.3	19.2	16.6	13.8	3.2	2.7	37.6	20.2	21.9	21.5
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	109,900	361,518	22.6	3.7	4.7	13.1	46.5	11.9	10.9	3.1	2.5	11.5	8.9	31.2	26.8
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	120,000	405,892	14.1	1.7	-3.3	-4.2	30.7	59.0	44.1	4.4	3.9	20.2	34.0	7.8	9.5
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	115,700	62,664	18.4	0.2	3.5	-1.9	2.0	154.3	23.6	3.4	2.8	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	92,500	193,321	54.7	0.5	3.5	3.4	-5.9	18.8	17.6	5.8	5.5	3.4	6.7	34.1	34.7
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	70,900	174,042	15.4	-1.1	1.9	6.5	206.9	12.5	11.0	2.4	1.9	32.5	13.4	21.6	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31,950	72,601	30.4	1.4	-3.8	4.2	23.4	25.0	20.1	2.3	2.1	21.8	24.2	9.3	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	9.98	5,071,462	0.7	0.2	7.5	57.7	16.5	13.6	2.7	2.3	13.0	20.9	19.6	18.8
Ô tô và phụ tùng	0.00	8,236	0.0	1.3	0.3	37.7	5.6	5.2	1.1	1.0	34.6	8.4	11.9	11.4
Ngân hàng	-3.33	1,732,936	-0.7	1.1	11.5	80.3	14.0	11.1	2.2	1.9	30.9	22.9	18.6	18.4
Xây dựng cơ bản	0.17	177,443	0.4	0.5	1.5	67.8	5.6	4.5	0.4	0.3	10.1	27.7	5.6	6.1
Dịch vụ thương mại	0.00	4,518	0.4	0.7	4.1	20.6	7.2	5.6	NA	NA	18.8	27.9	10.2	12.3
May mặc và trang sức	0.02	43,973	0.2	2.3	3.9	124.7	12.0	9.9	2.4	2.0	44.5	20.6	17.9	17.4
Dịch vụ tiêu dùng	0.01	8,230	0.8	1.1	-0.6	10.9	NA	9.3	NA	NA	NA	NA	-7.3	5.1
Dịch vụ tài chính	1.28	88,203	5.6	11.3	38.0	215.1	11.5	6.7	0.4	NA	23.4	28.2	8.1	6.4
Năng lượng	0.48	87,880	2.0	1.8	4.0	39.4	21.6	16.3	2.4	2.3	NA	28.6	13.5	14.4
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.04	526,587	0.7	3.5	3.7	23.3	23.6	17.5	4.6	4.1	38.4	28.8	20.8	22.2
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.02	956	-6.5	-8.4	10.0	30.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,879	0.5	2.7	0.3	1.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.64	52,285	4.7	6.5	8.2	24.7	23.0	20.3	1.9	1.8	11.5	13.7	7.7	8.4
Nguyên vật liệu	1.69	497,989	1.3	4.0	13.3	167.9	13.1	12.5	2.0	1.0	82.7	-1.7	23.5	18.0
Giải trí và truyền thông	0.00	1,555	-0.6	-1.3	-7.9	-26.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.14	36,544	-0.8	-0.3	6.5	54.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	6.33	1,243,290	1.5	1.7	8.2	31.5	9.0	7.8	1.5	1.0	10.4	14.1	9.1	9.6
Bán lẻ	0.15	74,144	2.0	2.3	5.1	67.7	28.9	22.7	3.1	2.7	18.8	19.7	15.0	14.1
Phần mềm và dịch vụ	0.07	80,410	0.7	1.2	-2.5	58.1	11.9	9.4	2.9	2.4	38.6	24.3	25.2	25.5
Thiết bị và phần cứng	0.00	5,521	0.3	2.5	13.0	101.2	18.0	14.7	3.9	3.5	25.9	23.0	24.0	24.7
Dịch vụ viễn thông	-0.02	1,443	-0.1	9.5	-4.7	327.7	13.2	11.3	3.5	2.7	52.0	16.9	28.7	27.1
Vận tải	0.06	163,099	-3.9	9.6	18.5	208.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	1.55	256,051	0.2	2.5	2.4	23.3	62.3	11.5	27.7	1.3	NA	NA	-73.1	-36.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	109,900	3.7	7,532,600	3.5
VIC VN	120,000	1.7	1,933,100	1.9
GAS VN	89,500	2.9	1,645,200	1.3
GVR VN	29,750	2.1	5,243,000	0.7
HPG VN	53,600	0.9	28,587,500	0.6
BVH VN	60,000	4.7	3,394,700	0.6
PDR VN	91,400	4.6	8,276,900	0.5
SSI VN	53,000	5.8	18,579,800	0.5
PLX VN	55,000	1.9	6,387,700	0.3
MSN VN	106,900	0.8	1,488,600	0.3

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	102,000	-0.8	1,459,700	-0.8
VPB VN	70,900	-1.1	35,156,100	-0.5
CTG VN	52,500	-0.8	14,106,200	-0.4
ACB VN	34,100	-1.6	10,946,100	-0.4
NVL VN	103,900	-1.0	1,256,400	-0.4
VIB VN	51,800	-1.7	1,312,700	-0.4
BID VN	44,900	-0.7	3,394,300	-0.3
OCB VN	30,850	-2.2	6,209,800	-0.2
HVN VN	28,000	-1.8	1,260,700	-0.2
LPB VN	30,700	-1.8	9,392,700	-0.2

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.